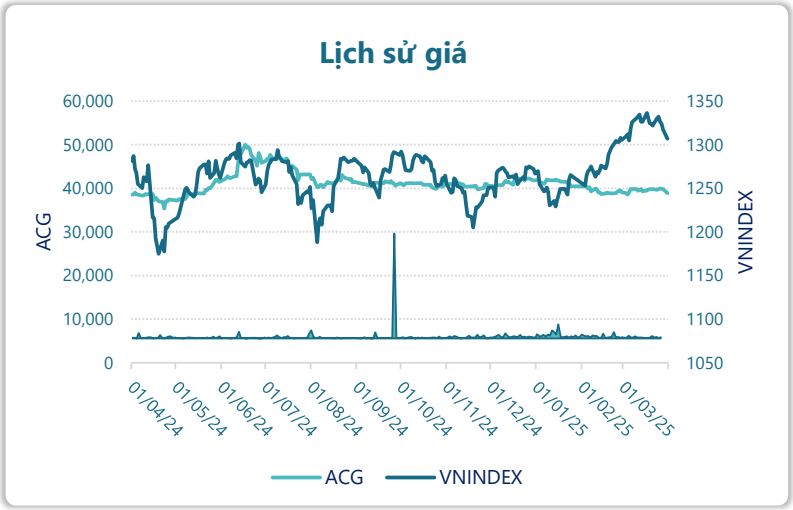
FireAnt

CTCP Gỗ An Cường (HSX: ACG)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**38,850**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,986
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	35,366
SL cổ phiếu LH	150,787,946
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,025
% sở hữu nước ngoài	38.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,858
P/E	13.8
EPS	2,810

DT thuần

Q1/25

802

tỷ VNĐ

QoQ: ▼414| -34.0%

YoY: ▲ 107| 15.4%

LN sau thuế

Q1/25

85.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.10| -5.7%

YoY: ▲ 3.60| 4.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

13.8%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

2024

3,981

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 219| 5.8%

LN sau thuế

2024

420

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.0| -3.8%

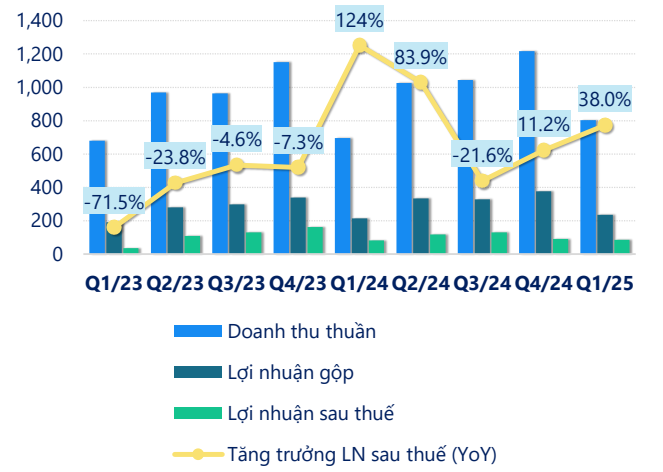
ROE

2024

10.1%

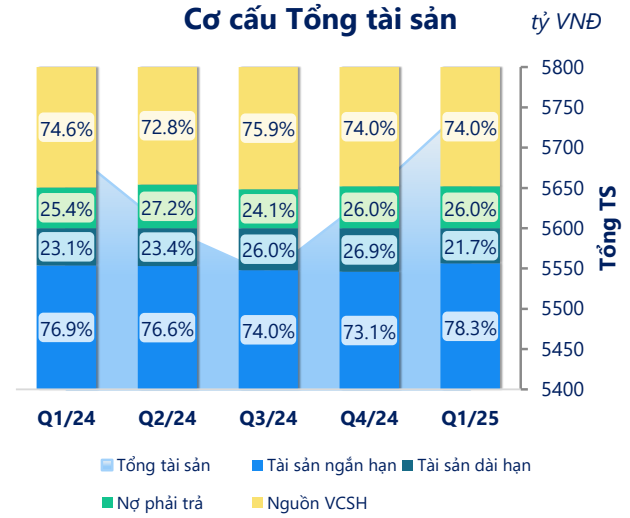
+/- YoY: ▼ 0.7%

Kết quả kinh doanh



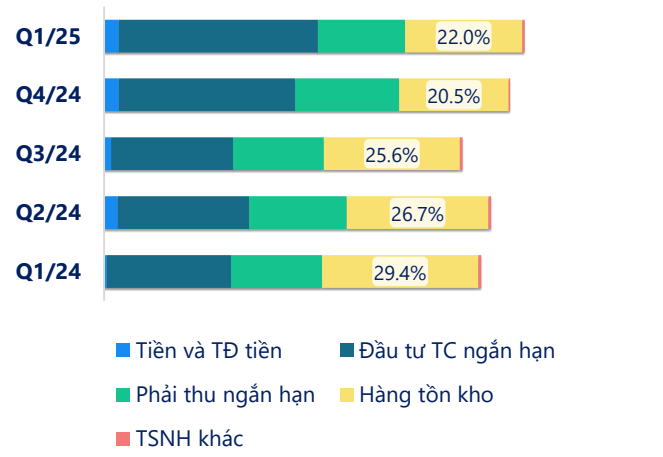
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



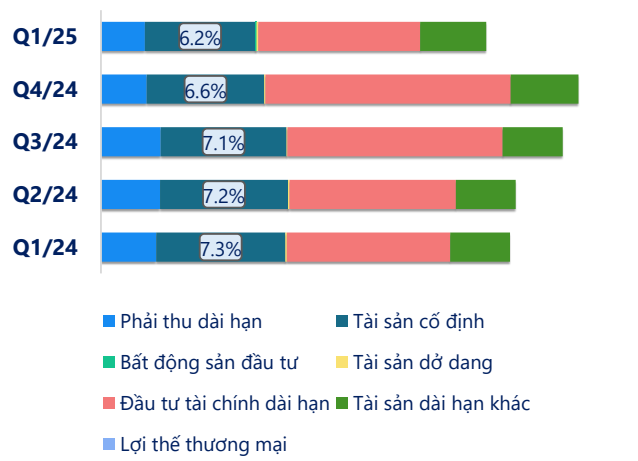
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



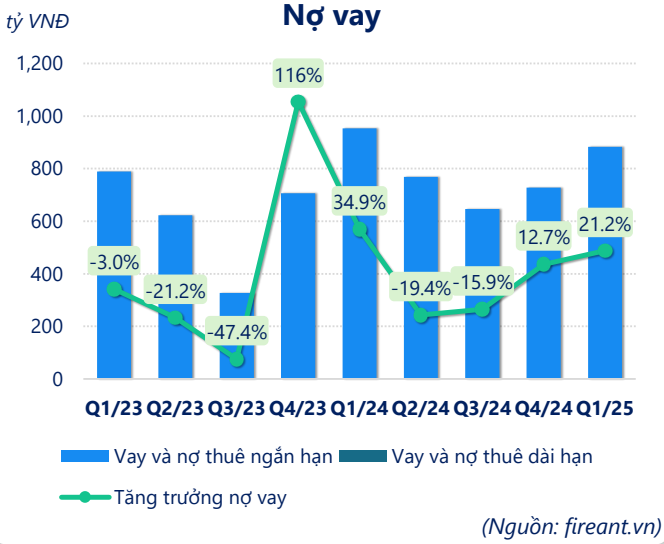
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



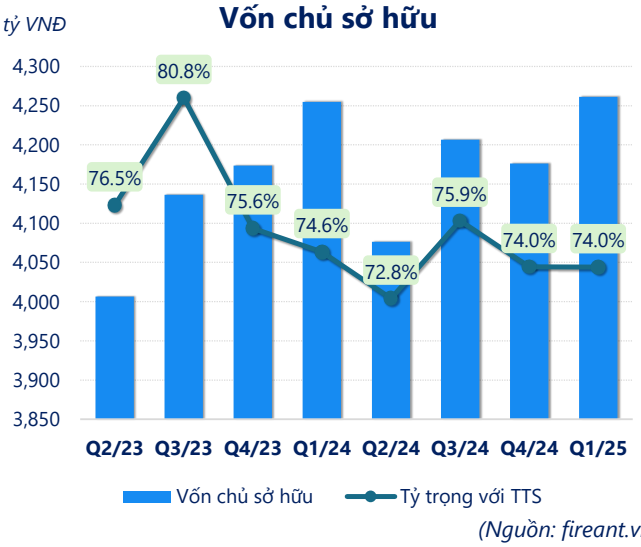
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



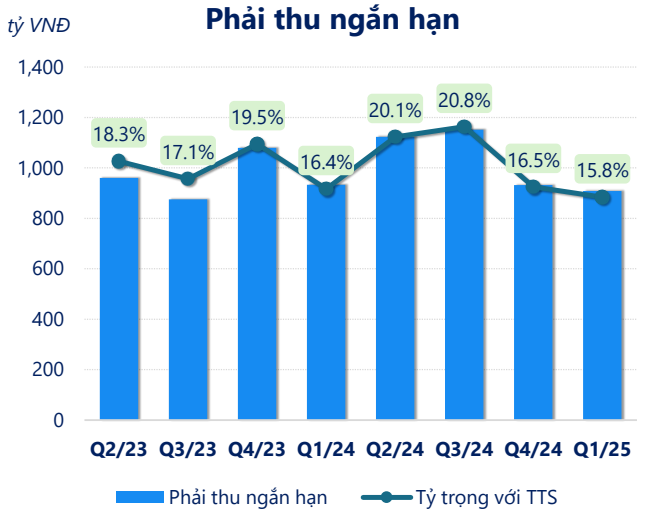
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



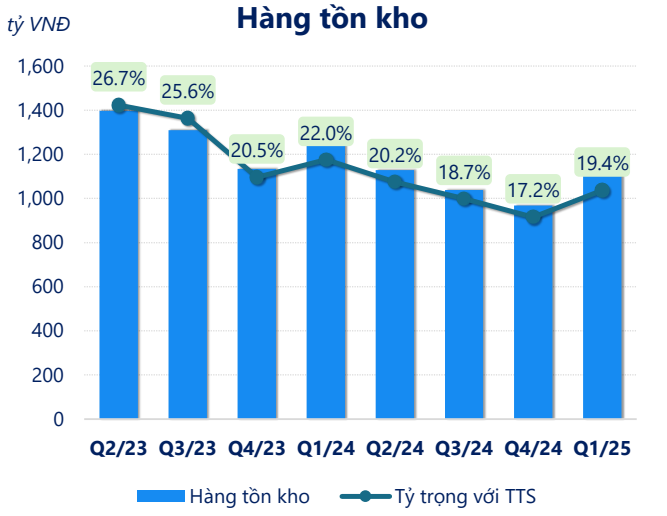
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



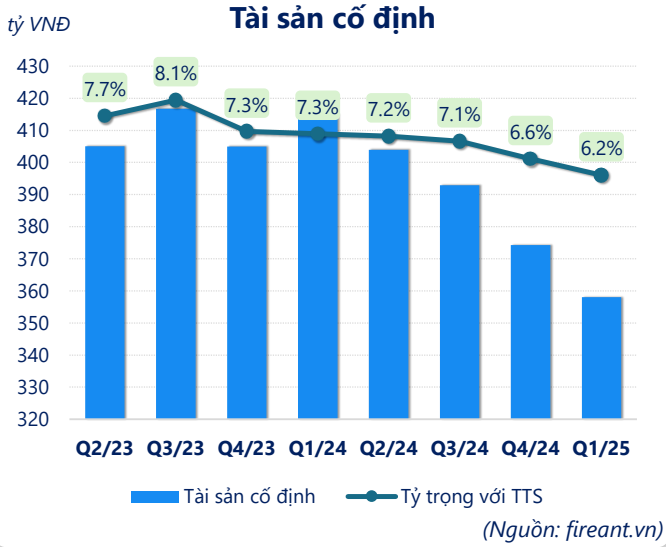
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



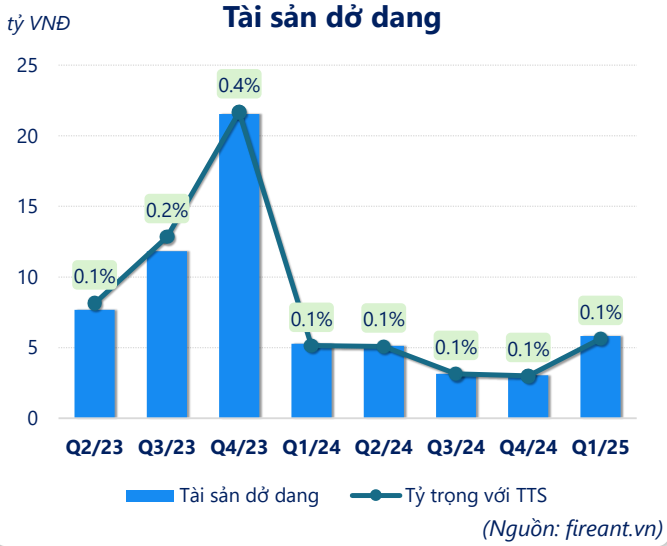
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



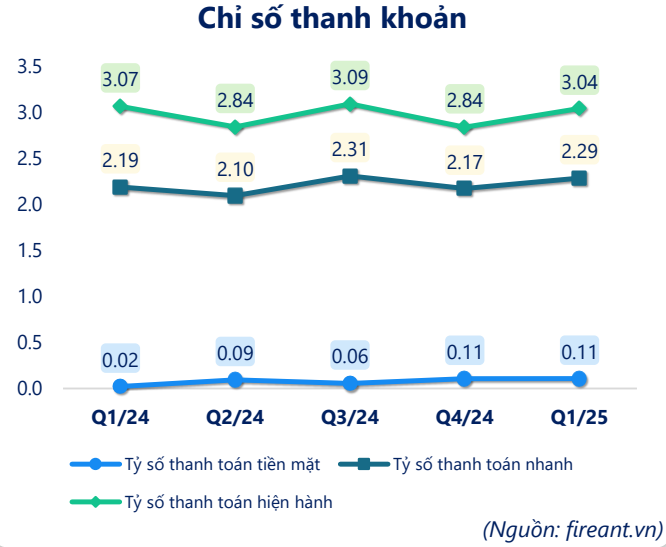
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



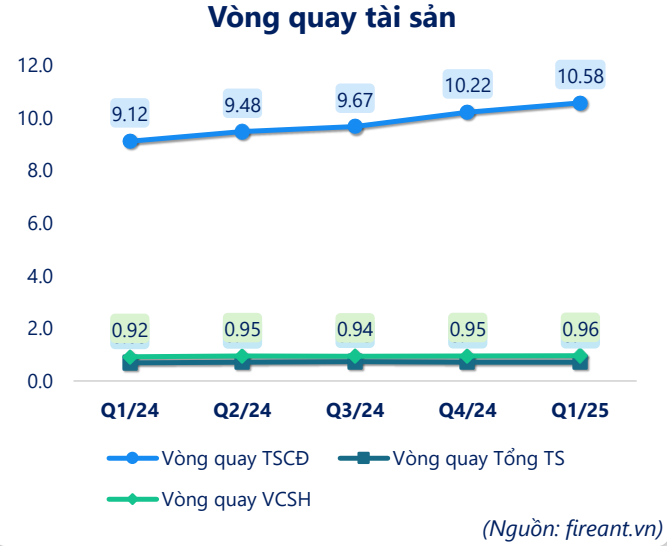
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**5,700**	**5,600**	**5,544**	**5,640**	**5,755**
Tài sản ngắn hạn	**4,385**	**4,290**	**4,100**	**4,120**	**4,505**
Tiền và tương đương tiền	31.2	142	73.7	155	160
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,136	1,873	1,815	2,048	2,274
Phải thu ngắn hạn	933	1,123	1,152	932	908
Hàng tồn kho	1,256	1,128	1,038	968	1,119
Tài sản ngắn hạn khác	28.5	23.9	21.3	16.7	43.7
Tài sản dài hạn	**1,315**	**1,310**	**1,444**	**1,520**	**1,251**
Phải thu dài hạn	178	187	187	146	143
Tài sản cố định	415	404	393	374	358
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	4.17
Tài sản dở dang	5.27	5.13	3.14	3.05	5.83
Đầu tư tài chính dài hạn	525	525	673	780	525
Tài sản dài hạn khác	193	189	188	217	214
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,446**	**1,524**	**1,337**	**1,464**	**1,494**
Nợ ngắn hạn	**1,430**	**1,508**	**1,325**	**1,451**	**1,481**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	953	768	646	728	882
Phải trả người bán ngắn hạn	268	255	270	318	327
Nợ dài hạn	15.9	15.1	11.6	12.8	13.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,255**	**4,076**	**4,207**	**4,176**	**4,261**
Vốn chủ sở hữu	**4,255**	**4,076**	**4,207**	**4,176**	**4,261**
Vốn điều lệ	1,508	1,508	1,508	1,508	1,508
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)